

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ [61/2015/NĐ-CP](#) NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM VÀ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

Căn cứ [Luật tổ chức Chính phủ](#) ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ [Luật việc làm](#) ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](#) ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây viết tắt là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP

1. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 21 như sau:

“1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây viết tắt là Quỹ).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức thực hiện chương trình) được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Quỹ theo quy định tại Nghị định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Mức vay

1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

2. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng.

3. Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Thời hạn vay vốn

Thời hạn vay vốn tối đa 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật việc làm, lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao

dịch bảo đảm”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Hồ sơ vay vốn

a) Đối với người lao động: Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp; thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật việc làm (nếu có) theo Mẫu số 1a và Mẫu số 1b ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, hồ sơ vay vốn gồm:

- Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; hợp đồng hợp tác; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

- Giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Luật việc làm (nếu có), bao gồm:

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số: Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số, bản sao chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số, bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của những người lao động là người dân tộc thiểu số và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách.”

7. Bỏ khoản 3 Điều 28.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 30 như sau:

“3. Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh nguồn vốn vay từ Quỹ giữa các địa phương, các tổ chức thực hiện chương trình. Ngân hàng Chính sách xã hội điều chỉnh nguồn vốn vay theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh nguồn vốn vay từ Quỹ tại địa phương. Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương điều chỉnh nguồn vốn vay theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Cơ quan trung ương của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, quyết định việc điều chỉnh nguồn vốn vay từ Quỹ giữa các cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình. Ngân hàng Chính sách xã hội điều chỉnh nguồn vốn vay theo quyết định của cơ quan trung ương của tổ chức thực hiện chương trình.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

“1. Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và hạch toán tiền lãi thu được vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội. Tiền lãi vốn vay được sử dụng như sau:

a) Trích lập Quỹ dự phòng và các khoản chi phí của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định pháp luật về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trích 0,3% số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ để hỗ trợ kinh phí cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Trích 15% số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ tại địa phương để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Trích 10% số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ tại địa phương, tổ chức thực hiện chương trình để bổ sung vào nguồn vốn của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức thực hiện chương trình quản lý.”

10. Bỏ Điều 33.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 33. Huy động nguồn vốn để thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

1. Ngân hàng Chính sách xã hội huy động nguồn vốn để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định pháp luật về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.”

12. Sửa đổi thứ tự Điều 35 và Điều 36 thành Điều 34 và Điều 35.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 36. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, người lao động vay vốn ưu đãi để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.”

14. Sửa đổi thứ tự các Điều 38, 39 và 40 thành các Điều 37, 38 và 39.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 thành khoản 2 Điều 39 như sau:

“2. Hồ sơ vay vốn

a) Đối với người lao động thuộc hộ cận nghèo: Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp; thuộc hộ cận nghèo theo Mẫu số 3a và Mẫu số 3b ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đối với người lao động là thân nhân người có công với cách mạng:

- Giấy đề nghị vay vốn theo quy định tại điểm a khoản này;

- Bản sao giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định này.”

16. Sửa đổi thứ tự các Điều 41, 42, 43 và 44 thành các Điều 40, 41, 42 và 43.

17. Bỏ Điều 45.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

“Điều 44. Huy động nguồn vốn để cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội huy động nguồn vốn để cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định pháp luật về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.”

19. Sửa đổi số thứ tự Điều 47 thành Điều 45.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 11 năm 2019.

2. Mức vay, thời hạn vay vốn, lãi suất vay vốn, điều kiện bảo đảm tiền vay đối với dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; điều kiện bảo đảm tiền vay đối với dự án vay vốn hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](#).

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCTN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu số 1a	Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Cho vay trực tiếp người lao động)
Mẫu số 1b	Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)
Mẫu số 2	Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm
Mẫu số 3a	Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Cho vay trực tiếp người lao động)
Mẫu số 3b	Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)
Mẫu số 4	Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng

Mẫu số 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc:Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Nơi cư trú:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người khuyết tật ☐

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ☐

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....

.....

Nơi thực hiện dự án:.....

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay:tháng Trả gốc:Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày... tháng... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):.....

.....(1)

..., ngày... tháng... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
- Người khuyết tật

Mẫu số 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Điện thoại:

Là người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đại diện cho hộ gia đình cư trú tại:
.....

Tôi đề nghị vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho Ông/bà: là thành viên của hộ gia đình.

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quan hệ với người đại diện hộ gia đình:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người khuyết tật ☐

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ☐

Để thực hiện dự án:

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc: cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN.....**

ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Các ông/bà:

.....
Thuộc hộ gia đình đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Đối tượng vay vốn thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)

.....
.....(1)/.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng vay vốn thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Người khuyết tật

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:.....

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Hoặc hợp đồng hợp tác số:

5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền

6. Mã số thuế:

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm

- Tổng doanh thu: đồng

- Tổng chi phí: đồng

- Thuế: đồng

- Lợi nhuận: đồng

Năm

- Tổng doanh thu: đồng

- Tổng chi phí: đồng

- Thuế: đồng

- Lợi nhuận: đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

.....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):

.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):.....

.....

b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):.....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động: người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu: đồng

- Tổng chi phí: đồng

- Lợi nhuận: đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng ... năm

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:

4. Thời hạn vay:.... tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay: đồng

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: đồng

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: đồng

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng

6. Trả gốc: Trả lãi theo:.....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....
Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG
(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng:

- Thuộc hộ cận nghèo ☐

- Thân nhân người có công với cách mạng ☐

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài), địa chỉ trong thời hạntháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc:

Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày... tháng... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

.....(1)/.

..., ngày... tháng... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng vay vốn thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

Mẫu số 3b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG
(Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc:Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Điện thoại:

Là người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đại diện cho hộ gia đình cư trú tại:
.....

Tôi đề nghị vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho Ông/bà:..... là thành viên của hộ gia đình.

Ngày, tháng, năm sinh:/...../......Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quan hệ với người đại diện hộ gia đình:

Thuộc đối tượng:

- Thuộc hộ cận nghèo ☐

- Thân nhân người có công với cách mạng ☐

Đề đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày
..... với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài), địa chỉ
..... trong thời hạn tháng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày... tháng... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Các ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

.....(1)/.

..., ngày... tháng... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng vay vốn thuộc hộ cận nghèo (nếu có)

Mẫu số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

1. Thông tin về thân nhân người có công với cách mạng

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Giới tính:.....

Nơi cư trú:

Quan hệ với người có công với cách mạng⁽¹⁾:

2. Thông tin về người có công với cách mạng

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Giới tính:.....

Thuộc diện người có công với cách mạng⁽²⁾:

Số hồ sơ:

Nơi cư trú:

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN⁽⁴⁾

Ông/bà:

Là thân nhân người có công với cách mạng./

..., ngày...tháng...năm...
XÁC NHẬN
CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG
VỚI CÁCH MẠNG
(Ký và ghi rõ họ tên)⁽³⁾

..., ngày...tháng...năm...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày...tháng...năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi quan hệ người đề nghị xác nhận với người có công với cách mạng: cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi), Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

(2) Ghi rõ loại đối tượng người có công với cách mạng.

(3) Mục này không áp dụng đối với liệt sĩ, người có công với cách mạng đã từ trần.

(4) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền:

- Trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công xác nhận người có công với cách mạng do Trung tâm quản lý;

- Đơn vị quân đội, công an có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận người có công với cách mạng do đơn vị quân đội, công an quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người có công với cách mạng đối với những trường hợp còn lại đang cư trú tại xã.